

TANDTP. PHAN THIẾT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH THUẬN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----**

-----*-----**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 03/7/2020

*V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 266/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/ 2020/QĐXXST-DS ngày 04/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 198/ 2020/QĐXXST-DS ngày 04/6/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **H**, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường G, Khu phố 07, B Long, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông **A**, sinh năm 1960- Địa chỉ: Phòng 503, Nhà C, Khu chung cư H, TP. P, tỉnh Bình Thuận. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/9/2019 Số công chứng 00871 quyền số 01/2019-SCT/CKCĐ của Văn Phòng công chứng Tiến Đạt) . *Có mặt.*

***Bị đơn:** Bà **B**, sinh năm 1970. *Có mặt.*

Địa chỉ: 371/21 Đường T, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, và trong quá trình giải quyết, xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

[1] Năm 2016 bà H có cho bà B vay số tiền 620 triệu đồng (trong đó có 02 lần bà B vay 200 triệu đồng và một lần vay 220 triệu đồng); Khi vay tiền hai bên không

lập giấy vay mượn tiền mà bà H chỉ lưu giữ vào một cuốn sổ cá nhân của bà (bà H khai đã làm mất cuốn sổ này); Đến ngày 09/4/2016 bà H và bà B đã lập giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016 để xác nhận lại khoản vay 620 triệu đồng này, đồng thời thỏa thuận xác định thời hạn trả nợ là 02 tháng; Lãi suất vay hai bên tự thỏa thuận là 01%/tháng nhưng không ghi lãi suất trong giấy mượn nợ; Tuy nhiên sau khi vay bà B không trả cả tiền lãi và tiền gốc cho bà H như đã thỏa thuận, sau nhiều lần không đòi được nợ, nên tháng 7/2016 bà H đã khởi kiện bà B tại Tòa án P, nhưng do bà B đã cam kết sẽ trả khoản nợ trên 5.000.000đ/ tháng, nên bà H rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ kiện tại Quyết định số 80 ngày 23/9/2016;

Sau đó bà B chỉ trả 500.000đ/tháng cho bà H và đã trả được một thời gian bà H không nhớ rõ bao lâu nhưng nay bà B xác nhận đã trả khoảng 20 tháng với tổng số tiền là 10 triệu đồng, số tiền còn nợ là 610 triệu đồng, thì bà cũng công nhận;

Do bà B không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết với bà H, nên nay bà H khởi kiện yêu cầu bà B phải trả lại toàn bộ số tiền vay còn nợ là 610 triệu đồng; Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền 610 triệu đồng.

[2] Về khoản tiền nợ lãi nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đã thể hiện tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, không yêu cầu bà B trả nợ lãi.

[3] Bà H xác định bà cho bà B vay khoản tiền trên vào thời gian bà B đã ly hôn chồng, khoản vay này bà chỉ cho cá nhân bà B vay do vậy bà chỉ kiện yêu cầu một mình bà B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho bà theo hợp đồng vay đã thỏa thuận.

Về án phí: Bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật:

****Quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn và bị đơn B trình bày:***

[1] Vào ngày 09/4/2016 bà B xác nhận có kí vào Giấy mượn nợ để xác nhận việc có mượn nợ bà H 620 triệu đồng, tuy nhiên bà B xác định khoản tiền 620 triệu đồng này không phải là nợ gốc mà là khoản nợ tiền lãi của nhiều khoản vay bà B đã vay và đã trả tiền gốc cho bà H trước đó, sau khi trả tiền vay do bà H đã xé các tờ giấy vay tiền nên bà không nhớ và cũng không còn giấy tờ vay để cung cấp cho tòa.

Bà B xác định khoản nợ này là tổng cộng khoản nợ tiền lãi với lãi suất rất cao (bà không nhớ rõ lãi suất cụ thể là bao nhiêu) và ngày 09/4/2016 bà H thuê xã hội đen và cùng với nhóm người này đe dọa buộc bà B phải ký vào Giấy nhận nợ; Thực tế trong ngày 09/4/2016 bà H không hề đưa khoản tiền 620 triệu đồng này cho bà B vay, giấy mượn nợ này chỉ là giấy xác định khoản nợ tiền lãi.

Đồng thời bà B xác nhận tháng 8/2017 bà B có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án P về việc bà H khởi kiện bà B để đòi khoản nợ vay này, tuy nhiên do bà đã thỏa thuận sẽ trả dần số tiền trên cho bà H mỗi tháng 500.000đ, nên bà H đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ kiện vào tháng 9/2017. Sau đó bà B đã trả cho bà H 20 tháng x 500.000đ/tháng = 10 triệu đồng thì không trả nữa, do mỗi lần đòi tiền bà H hay gây ồn ào ảnh hưởng đến công việc của bà.

Nay bà H yêu cầu bà B trả khoản nợ còn lại là 610 triệu đồng bà B không đồng ý trả vì đây chỉ là khoản nợ tiền lãi cao không đúng quy định pháp luật, bà chỉ đồng ý trả cho bà H là 100 triệu đồng.

Về án phí: Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng thành phần trong quyết định xét xử và đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về phía người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án;

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy khoản 03 điều 26, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39, khoản 01 điều 147, điểm c khoản 01 điều 217, khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm c khoản 01 điều 157, Điều 429, khoản 01 điều 469, điểm b, d khoản 01 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay chưa trả là 610 triệu đồng/ số tiền 620 triệu đồng thể hiện tại Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016.

+ Đình chỉ phần yêu cầu Về tiền lãi nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả tiền án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là bà B có địa chỉ thường trú tại 371/21 đường T, phường L, thành phố P, đồng thời quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện là hợp đồng vay tài sản; Do vậy theo quy định tại khoản 03 điều 26, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P;

*** Về thời hiệu khởi kiện:**

Xét thấy ngày 09/4/2016 các bên đã lập Giấy mượn nợ xác nhận khoản vay 620 triệu đồng, đồng thời tháng 7/2016 bà H đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bà B trả nợ, ngày 23/9/2016 Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ kiện do bà H tự nguyện rút đơn khởi kiện để tự thỏa thuận việc trả nợ với bà B, sau đó bà B tiếp tục trả dần cho bà H một tháng 500.000đ, được khoảng 20 tháng. Tại phiên tòa Nguyên đơn và bị đơn đã cùng xác nhận có các tình tiết sự kiện như đã nêu trên. Theo quy định tại khoản 02 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện...mà bên kia đưa ra thì bên đó không phải chứng minh*”.

Do vậy các bên đương sự đã xác định thời điểm bà B không tiếp tục trả nợ cho bà H như đã cam kết là khoảng 03/2018; Do vậy theo quy định tại điểm c khoản 01 điều 157 và điều 429, điểm d khoản 01 điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, thì nội dung tranh chấp vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

*** Về nội dung tranh chấp:**

[1] Xét thấy nội dung tranh chấp của các đương sự trong vụ kiện đều xoay quanh nội dung vay mượn tiền thể hiện tại Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền, không bắt buộc phải công chứng chứng thực nên đảm bảo về mặt hình thức làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

Nguyên đơn bà H xác định Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016 được lập để xác định 03 khoản tiền vay bà B đã vay trước đó. Bà B xác nhận chữ ký trong Giấy mượn nợ này là chữ ký của bà và công nhận có nợ bà H số tiền 620 triệu đồng nhưng bà không công nhận đây là nợ gốc mà chỉ là khoản nợ lãi của nhiều khoản tiền vay với lãi suất rất cao bà đã vay của bà H trước đó. Do vậy bà chỉ đồng ý trả cho bà H là 100 triệu đồng trên số 610 triệu đồng bà H yêu cầu.

Tuy nhiên bà B không có tài liệu chứng cứ cụ thể để chứng minh về các khoản vay trước đó là khoản vay nào, lãi suất cụ thể bao nhiêu, bà H cũng không chấp nhận nội dung khai nại này của bà B. Đồng thời bà B cũng không thực hiện thủ tục phản tố về nội dung này, do vậy không có căn cứ, cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Bà B một mặt thì thừa nhận có nợ tiền lãi của bà H, xác nhận chữ ký ngay mục người mượn nợ là chữ ký của bà, mặt khác lại cho rằng bị đe dọa ép buộc nên mới phải ký vào giấy mượn nợ này, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà đã không cung cấp được chứng cứ về việc bị đe dọa ép buộc ký giấy nhận nợ; Hội đồng xét xử

xét thấy bà B là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi thực hiện bất kỳ một giao dịch dân sự nào bà cũng đã ý thức được việc ký xác nhận của mình dẫn đến hậu quả như thế nào. Do vậy việc bà khai nại bị đe dọa ép buộc ký giấy nhận nợ là mâu thuẫn với chính lời khai của mình, không có cơ sở để Hội đồng xem xét chấp nhận.

[2] Xét chứng cứ là Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016 do Nguyên đơn cung cấp, hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên đương sự đều khai thống nhất về tình tiết: có sự việc nợ tiền, chữ ký của các bên trong giấy mượn nợ là của chính mình, và ngày 09/4/2016 các bên lập giấy mượn nợ này với nội dung : “*Tôi tên B sinh năm... số nhà ... có mượn H một số tiền là 620.000.000(sáu trăm hai chục triệu đồng)...*” là để xác nhận các khoản nợ tiền vay của bà B không có giấy tờ trong năm 2016; Chứng cứ này phù hợp với lời khai các bên đương sự ,do vậy đủ cơ sở xác định : Việc bà H có cho bà B vay số tiền 620 triệu đồng là sự kiện có thật đã được các bên cùng thực hiện.

Theo bà H khai việc vay tiền này có lãi suất là 01%/tháng, tuy nhiên trong nội dung giấy mượn nợ không thể hiện lãi suất, bà B cũng không thừa nhận đây là khoản vay nợ gốc và có lãi suất ; Do vậy không đủ căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay có lãi như nguyên đơn khai nại .

Tại Giấy mượn nợ thể hiện các bên đã thỏa thuận nội dung về thời hạn trả nợ như sau: “*..trong thời gian hai tháng tôi sẽ suy nghĩ giải quyết cho chị bằng cách nào(trong thời gian hai tháng gom được những mối nợ thì tôi sẽ hoàn lại cho chị H bớt, nếu sau hai tháng tôi không giải quyết được nợ cho chị H thì tôi sẽ từ từ trả cho chị H hết số tiền trên.*” Như vậy thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là hai tháng nếu bà B có điều kiện trả nợ , còn nếu không có điều kiện thì thời hạn trả tiền không xác định.

Căn cứ vào nội dung này đủ cơ sở để xác định đây là Hợp đồng vay tiền không thời hạn và không có lãi.

Thời điểm xác lập việc giao dịch vay tiền giữa bà B và bà H là trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật và đến hiện nay thì hợp đồng này cũng chưa thực hiện xong, do vậy theo hướng dẫn tại điểm c khoản 01 điều 02 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao và quy định tại điểm b khoản 01 điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng đang được thực hiện có nội dung hình thức phù hợp với quy định Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng pháp luật theo quy định Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp của các bên.

Theo quy định tại khoản 01 điều 469 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “ *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên cho vay cũng có thể trả nợ bất cứ lúc nào nhưng báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp thỏa thuận khác.*”

Nội dung tranh chấp trong vụ kiện này đã được bà H khởi kiện lần thứ nhất tại Tòa án thành phố P và được Tòa thụ lý giải quyết theo hồ sơ vụ án số 130 ngày 27/7/2019 , bà B đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà H ngày 29/8/2016, bà B cũng đã xác nhận vấn đề này; Như vậy chứng tỏ bà B đã được bà H thông báo yêu cầu đòi lại tiền vay thông qua việc khởi kiện lần thứ

nhất tại Tòa án. Tại phiên tòa bà B và đại diện theo ủy quyền của bà H thống nhất nội dung: Sau khi vụ án được đình chỉ vào tháng 9/2017 bà B đã trả dân cho bà H 500.000đ/tháng x 20 tháng = 10 triệu đồng, nên nay bà H chỉ yêu cầu bà B trả lại số tiền là 610 triệu đồng còn lại /trên số nợ 620 triệu đồng theo Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016 là có căn cứ, đúng quy định tại các điều luật đã viện dẫn nêu trên, nên Hội đồng xử chấp nhận.

[3] Về việc rút yêu cầu trả tiền lãi của Nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019 bà H có yêu cầu bà B phải trả tiền lãi của số tiền đã vay theo Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016, Nhưng tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã rút nội dung yêu cầu tính lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả nợ lãi của số tiền vay, chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả nếu chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Xét việc tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với phạm vi được Nguyên đơn ủy quyền, không trái pháp luật đạo B xã hội nên hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm c khoản 01 điều 217 và khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút của Nguyên đơn, Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị trong việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật, cùng chung quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nội dung khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 01 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể số tiền án phí bị đơn phải nộp là **28.400.000 đ**; Hoàn trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.64.500 đ, theo biên lai số 0028109 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào quy định tại khoản 03 điều 26, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39, khoản 01 điều 147, điểm c khoản 01 điều 217, khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm c khoản 01 điều 157, Điều 429, khoản 01 điều 469, điểm b, d khoản 01 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án Dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Bà H : Xác định bà B có nợ bà H số tiền 620 triệu đồng theo Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016, bà B đã trả

10 triệu đồng còn nợ lại 610 triệu đồng ; Tuyên buộc bà B phải trả cho bà H khoản tiền 610 triệu đồng còn lại trong giao dịch vay mượn tiền theo Giấy mượn tiền đề ngày 09/4/2016.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì người thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 01 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu các bên không thỏa thuận được lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà H về yêu cầu tính lãi của số tiền vay 620 triệu đồng theo Giấy mượn nợ đề ngày 09/4/2016. Nguyên đơn không phải chịu án phí của yêu cầu khởi kiện đã rút và được quyền khởi kiện lại đòi phần yêu cầu khởi kiện đã rút nếu còn trong thời hiệu khởi kiện.

3/Về án phí:

Bà B phải chịu 28.400.000đ án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 20.647.500 đ, theo biên lai số 0028109 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

4/ Quyền kháng cáo bản án của Nguyên đơn, Bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân

